

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “tranh chấp hui”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* bà **Trần Thị L**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: **Số nhà B, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.**

Người đại diện theo uỷ quyền của bà **L**: bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: **A, Ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.**

- *Bị đơn:* bà **Cao Thị D**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: **Số nhà B, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: **Số nhà B, ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.**

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bà **Cao Thị D** và ông **Nguyễn Văn T1** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Trần Thị L** số tiền hui là 109.480.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

Ghi nhận bà **Trần Thị L** không yêu cầu bà **Cao Thị D** và ông **Nguyễn Văn T1** phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi đối với số tiền này.

Về chi phí tố tụng: bà **Cao Thị D** tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 122.000 đồng (một trăm hai mươi hai nghìn đồng). Ghi nhận bà **Cao Thị D** đã nộp đủ số tiền này.

*Về án phí:* do bà **Trần Thị L**, bà **Cao Thị D**, ông **Nguyễn Văn T1** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại khoản điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Đỗ Thị Mộng Tuyền**